

Bảng 1. Chuẩn đầu ra của HP

Sau khi học xong học phần, SV có khả năng:

Ký hiệu CLO	Nội dung CLO
CLO1	Trình bày được đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp đánh giá tình trạng bệnh lý của trẻ em
CLO2	Phân biệt được trẻ bình thường và bệnh lý
CLO3	Phân tích được các rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non
CLO4	Xác định được cách phòng ngừa và quy trình chữa trị rối loạn tâm lý cũng như một số cách xử lý rối nhiễu tâm lý ở trẻ em lứa tuổi mầm non
CLO5	Áp dụng kiến thức vào việc tìm hiểu, nhận biết, định hướng các tâm bệnh trẻ trong đời sống và hoạt động nghề nghiệp sau này
CLO6	Thái độ học tập nghiêm túc, tích cực

4. Mối liên hệ giữa chuẩn đầu ra học phần (CLO) và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO)

Mức độ đóng góp, hỗ trợ của CLO để đạt được PLO được xác định cụ thể qua bảng sau:

Bảng 2. Mối liên hệ giữa CLO và PLO

PLO	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
CLO 1	I	I		I	I			M	M	M
CLO 2	I	I		I	I			M	M	M
CLO 3	I	I		M	M			M	M	M
CLO 4	I	I		M	M			M	M	M
CLO 5	R	R		M	M			M	M	M
CLO 6	I	I		M	M			M	M	M
Tổng hợp học phần	I	I		M	M			M	M	M

Ghi chú: I: mức giới thiệu/bắt đầu; R: mức nâng cao hơn mức bắt đầu, có nhiều cơ hội được thực hành, thí nghiệm, thực tế,...; M: mức thuần thục/thông hiểu; A: hỗ trợ tối đa việc đạt được PLO, cần được thu thập minh chứng để đánh giá CDR CTĐT.

5. Đánh giá

a. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá

Bảng 3. Phương pháp, hình thức kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV

Thành phần đánh giá	Trọng số	Bài đánh giá	Trọng số con	Rubric (đánh dấu X nếu có)	Lquan đến CDR	Hướng dẫn phương pháp đánh giá
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)
A1. Chuyên cần, thái độ (CCTĐ)	5%	- Đánh giá toàn bộ quá trình - Đánh giá theo tiêu chí sau: + Tham gia đầy đủ, tích cực chuẩn bị bài + Tham gia các hoạt động trong giờ học + Hoàn thành bài tập theo yêu cầu của giảng viên	100%	X	CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tham gia đầy đủ, tích cực các hoạt động trong giờ học.
A2. Kiểm tra thường	30%	A2.1. Tuần 8 Chương 1	50%	X	CLO 3 CLO 4	Tự luận, bài tập

xuyên (KTTX)		Chương 2			CLO4	
		A2.2. Tuần 15 Chương 3	50%	X	CLO 3 CLO 4 CLO4	
A3. Đánh giá cuối kỳ	65%	Bài kiểm tra cuối kỳ: Tự luận hoặc vấn đáp	100%		CLO 1 CLO 2 CLO 3 CLO 4 CLO 5 CLO 6	Tự luận, vấn đáp, vấn đáp - thực hành, tiểu luận, trắc nghiệm - tự luận

b. Yêu cầu đối với học phần

Sinh viên phải tham dự $\geq 80\%$ số buổi của HP. Nếu nghỉ $> 20\%$ số buổi sẽ không được dự thi kết thúc HP.

6. Kế hoạch và nội dung giảng dạy

Bảng 4. Kế hoạch và nội dung giảng dạy theo tuần

Tuần / Buổi (2tiết / b)	Các nội dung cơ bản của bài học (chương) (đến 3 số)	Số tiết (LT/ TH/ TT)	CĐR của bài học (chương)/ chủ đề	Liên quan đến CĐR	PP giảng dạy, tài liệu và cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để đạt CĐR	Hoạt động học của SV(*)	Tên bài đánh giá (cột 3 bảng 3)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Chương 1. Khái quát về tâm bệnh học trẻ em 1.1. Khái niệm về tâm bệnh học trẻ em 1.2. Lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh học trẻ em	2LT	- Trình bày được khái niệm về tâm bệnh học trẻ em. - Hiểu về lịch sử hình thành và phát triển tâm bệnh học trẻ em.	CLO1	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
2	Chương 1 (TT) 1.3. Thế nào là trẻ bình thường và trẻ bệnh lý	2LT	Hiểu thế nào là trẻ bình thường và trẻ bệnh lý	CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
3	Chương 1. (TT) 1.4. Phân loại bệnh trong tâm	2LT	Trình bày phân loại bệnh trong tâm bệnh	CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài	

	bệnh học trẻ em		học trẻ em		và projector	liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
4	Chương 1. (TT) 1.5. Những lý thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em	2LT	Trình bày và vận dụng những lý thuyết cơ bản của tâm bệnh học trẻ em	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
5	Chương 1. (TT) 1.6. Phương pháp đánh giá tình trạng tâm bệnh lý của trẻ em	1LT 1BT	Trình bày và vận dụng phương pháp đánh giá tâm bệnh lý của trẻ em	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C1 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV <i>Bài tập: Đánh giá bằng phương pháp trò chuyện lâm sàng và trắc nghiệm tâm lý</i>	
6	Chương 2. Các rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non 2.1. Rối loạn triệu chứng và chức năng	2LT	Phân tích và xác định được các rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO3 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
7	Chương 2. (TT) 2.1. Rối loạn triệu chứng và chức năng (tt)	1LT 1BT	Phân tích xác định được các rối loạn tâm lý của trẻ em lứa tuổi mầm non	CLO3 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV <i>Bài tập: Phân</i>	

						<i>tích các rối loạn triệu chứng và chức năng ở trẻ MN.</i>	
8	Chương 2. (TT) 2.2. Các hội chứng	2LT	Hiểu và xác định được các hội chứng	CLO3 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	A2.1
9	Chương 2. (TT) 2.2. Các hội chứng (tt)	2LT	Hiểu và xác định được các hội chứng	CLO3 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài kiểm tra.	A2.1
10	Chương 2. (TT) 2.2. Các hội chứng (tt)	2LT	Hiểu và xác định được các hội chứng	CLO3 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C2 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	
11	Chương 3. Phòng ngừa và chữa trị rối loạn tâm lý cho trẻ em lứa tuổi mầm non 3.1. Phòng ngừa rối loạn tâm lý ở trẻ lứa tuổi MN	2LT	Hiểu và vận dụng các cách phòng ngừa rối loạn tâm lý ở trẻ lứa tuổi MN	CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra	
12	Chương 3. (TT) 3.2. Chữa trị rối loạn tâm lý ở trẻ em	2LT	Xác định và vận dụng cách chữa trị rối loạn tâm lý ở trẻ em	CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo	

						luận, trả lời câu hỏi của GV	
13	Chương 3. (TT) 3.2. Chữa trị rối loạn tâm lý ở trẻ em (tt)	1LT 1BT	Xác định và vận dụng cách chữa trị rối loạn tâm lý ở trẻ em	CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra. <i>Bài tập: Các cách xử lý rối loạn TL ở trẻ em.</i>	
14	Chương 3. (TT) 3.3. Một số cách xử lý rối nhiễu TL ở trẻ em lứa tuổi MN dùng cho GVMN	2LT	Biết và vận dụng một số cách xử lý rối nhiễu TL ở trẻ em lứa tuổi MN đúng cho GVMN	CLO4 CLO5 CLO6	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV	A2.2
15	Chương 3. (TT) 3.3. Một số cách xử lý rối nhiễu TL ở trẻ em lứa tuổi MN dùng cho GVMN (tt)	2BT	Biết và vận dụng một số cách xử lý rối nhiễu TL ở trẻ em lứa tuổi MN đúng cho GVMN	CLO4 CLO5	- GV sử dụng tài liệu [1], máy tính và projector	- Chuẩn bị ở nhà: Đọc trước nội dung (C3 tài liệu [1]) - Hoạt động trên lớp: Thảo luận, trả lời câu hỏi của GV, làm bài tập kiểm tra <i>Bài tập: Một số cách xử lý của GVMN đối với các rối nhiễu TL ở trẻ</i>	A2.2
Theo lịch thi	Kiểm tra cuối kỳ	-	-	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	-	Hoàn thành bài thi	A3

7. Học liệu

Bảng 5. Sách, giáo trình, tài liệu tham khảo

TT	Tên tác giả	Năm XB	Tên sách, giáo trình, tên bài báo, văn bản	NXB, tên tạp chí/ nơi ban hành VB
Giáo trình chính				
1	Nguyễn Thị Như Mai (chủ biên)	2012	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	NXB ĐHSP, Hà Nội
2	Nguyễn Thị Diễm Hằng	2021	Tâm lý học trẻ em lứa tuổi mầm non	Giáo trình nội bộ Trường ĐHQB
Sách, giáo trình tham khảo				
3	Ngô Công Hoàn	2007	Những trắc nghiệm tâm lý	NXB ĐHSP, Hà Nội
4	Nguyễn Thạc	2006	Lý thuyết và PP nghiên cứu sự phát triển của trẻ em	NXB ĐHSP, Hà Nội
5	Lại Kim Thúy	2001	Tâm bệnh học	NXB ĐHQG, Hà Nội
6	Linda Maget	2008	Nâng cao khả năng giao tiếp cho trẻ	NXB Hồng Đức

8. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

Bảng 6. Cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy

TT	Tên giảng đường, PTN, xưởng, cơ sở TH	Danh mục trang thiết bị, phần mềm chính phục vụ TN,TH		Phục vụ cho nội dung Bài học/Chương
		Tên thiết bị, dụng cụ, phần mềm,...	Số lượng	
1	Giảng đường A, C	Projector, máy tính cá nhân	01	Chương 1, 2, 3, 4, 5

9. Rubric đánh giá:

Rubric 1: Chuyên cần (Class Attendance)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Chuyên cần	Không đi học (<30%).	Đi học không chuyên cần (<50%).	Đi học khá chuyên cần (<70%).	Đi học chuyên cần (<90%).	Đi học đầy đủ, rất chuyên cần (100%).	50%
Đóng góp tại lớp	Không tham gia hoạt động gì tại lớp	Hiếm khi tham gia phát biểu, đóng góp cho bài học tại lớp. Đóng góp không hiệu quả.	Thỉnh thoảng tham gia phát biểu, trao đổi ý kiến tại lớp. Phát biểu ít khi có hiệu quả.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp cho bài học là hiệu quả.	Tham gia tích cực các hoạt động tại lớp: phát biểu, trao đổi ý kiến liên quan đến bài học. Các đóng góp rất hiệu quả.	50%

Rubric 2: Bài tập (Work Assignment)

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
Nộp bài tập	Không nộp bài tập	Nộp 70% số lượng bài tập được giao. Thời gian nộp chậm hơn quy định 96 giờ trở lên.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 48 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Thời gian nộp chậm hơn quy định 24 giờ.	Nộp bài tập đầy đủ (100% số lượng được giao). Đúng thời gian quy định.	20%
Trình bày bài tập	Không có bài tập	Bài tập trình bày lộn xộn, không đúng yêu cầu về trình bày (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập không phù hợp.	Bài tập trình bày đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Còn một số lỗi nhỏ về trình bày (lỗi chính tả, nhầm lẫn ghi chú, kích thước).	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng). Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, phù hợp. Ghi chú, giải thích đầy đủ, hợp lý.	Bài tập trình bày đẹp, đầy đủ, đúng yêu cầu (font chữ, cỡ chữ, giãn dòng), logic. Hình vẽ, bảng biểu sử dụng trong bài tập rõ ràng, khoa học. Ghi chú, giải thích cụ thể, hợp lý.	30%
Nội dung bài tập	Không có bài tập	Nội dung bài tập không đầy đủ, một	Nội dung bài tập đầy đủ, đúng với yêu	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo	Nội dung bài tập đầy đủ, hợp lý, đúng theo	50%

Tiêu chí đánh giá	Mức độ đạt chuẩn quy định					Trọng số
	MỨC F (0-3.9)	MỨC D (4.0-5.4)	MỨC C (5.5-6.9)	MỨC B (7.0-8.4)	MỨC A (8.5-10)	
		số không đúng theo yêu cầu nhiệm vụ.	câu nhiệm vụ nhưng chưa hợp lý. Còn một số sai sót .	yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày đúng, rõ ràng.	yêu cầu nhiệm vụ. Trình bày logic, chi tiết và rõ ràng, hoàn toàn hợp lý.	

Quảng Bình, ngày....tháng....năm 2021

Trưởng khoa

Trưởng bộ môn

Người biên soạn

TS. Dương Thị Ánh Tuyết

ThS. Hoàng Thị Tường Vi

ThS. Nguyễn Thị Diễm Hằng